

Số: 35/2021/QĐST-DS

Nam Từ Liêm, ngày 5 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 04 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự tranh chấp “Yêu cầu Chia thừa kế” thụ lý số: 100/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1 M. T. H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường X (tức Nguyễn Bá H), sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 2 M. T. H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số nhà 15, ngách 32/84/64, tổ dân phố số 3 M. T. H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 104, tổ dân phố số 2 M. T. H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 18, ngách 83, tổ dân phố số 2 M. T. H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội

4. Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1988.

5. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ngõ 101, tổ dân phố số 3, phường P, quận N, thành phố Hà Nội

6. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, phường P, quận N, thành phố Hà Nội

7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, phường P, quận N, thành phố Hà Nội

8. Bà Lại Thị L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 70, ngõ 14, tổ 2, M. T. H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ huyết thống: Cụ Nguyễn Bá T, chết năm 1981 và cụ Nguyễn Thị C2, chết năm 2009, hai cụ có 5 người con đẻ là bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị C3. Bà Nguyễn Thị C3 đã chết năm 2013, bà C3 có chồng là ông Nguyễn Hữu T (đã chết năm 2014). Bà C3 và ông T sinh được 4 người con là anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Hữu K, chị Nguyễn Thị M và chị Nguyễn Thị H. Ngoài ra, cụ T và C2 có 1 người con nuôi là ông Nguyễn Trường X (tức Nguyễn Bá H). Các cụ nhận nuôi ông H từ bé đến lớn, coi như con đẻ. Ông H lấy vợ là bà Lại Thị L và sống với 2 cụ, trực tiếp chăm sóc các cụ cho đến khi cụ C2 chết đi thì thờ cúng đến nay.

Về di sản thừa kế: Sinh thời cụ Nguyễn Bá T và cụ Nguyễn Thị C2 tạo lập được khối tài sản chung và đã được phân chia cho các con trước khi chết. Đến nay, di sản thừa kế do các cụ để lại chỉ còn duy nhất thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16 xã M, nay là phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Thửa đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S763500 ngày 26/8/2002, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00593 QSDĐ, đứng tên chủ sử dụng là cá nhân bà Nguyễn Thị C2, diện tích 190m², mục đích sử dụng là đất ở. Tại mục “Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận” thể hiện: Ngày 03/4/2003, Phòng Địa chính Nhà đất và Đô thị huyện T xác nhận đã chuyển nhượng 97m² đất ở cho bà Trần Thị V, bà C2 còn được quyền sử dụng 93m² đất ở.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ T và cụ C2 là 93m² đất ở tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16 xã M, nay là phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Về tài sản trên đất các cụ để lại được thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm có: 01 nhà cấp 4 + 01 nhà

khung sắt mái tôn + 01 bàn thờ ngoài trời xây gạch và 01 cây nhãn trồng trên đất. Sau khi các cụ chết đi thì nhà đất do ông Nguyễn Trường X (Nguyễn Bá H) quản lý, sử dụng.

Về giá trị tài sản: Theo biên bản định giá tài sản ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thì tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 4.194.071.500 đồng (Bốn tỷ một trăm chín tư triệu không trăm bảy một nghìn năm trăm đồng).

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá T và cụ Nguyễn Thị C2 được phân chia cụ thể như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Trường X (tức Nguyễn Bá H) được toàn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá T và cụ Nguyễn Thị C2 là đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16 xã M, nay là phường M, quận N, thành phố Hà Nội, diện tích 93m². Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S763500 ngày 26/8/2002, vào sổ số 00593/QSDĐ, đứng tên chủ sử dụng là cá nhân bà Nguyễn Thị C2, diện tích 190m², mục đích sử dụng là đất ở. Tại mục “Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận” thể hiện: Ngày 03/4/2003, Phòng Địa chính Nhà đất và Đô thị huyện T xác nhận đã chuyển nhượng 97m² đất ở cho bà Trần Thị V, bà C2 còn được quyền sử dụng 93m² đất ở.

- Các đương sự có trách nhiệm tiến hành các thủ tục liên quan đến việc sang tên chủ sở hữu, sử dụng tài sản trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Trường X (tức Nguyễn Bá H) phải chịu các chi phí liên quan đến việc sang tên chủ sở hữu, sử dụng tài sản.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Trường X (Nguyễn Bá H) là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008814 ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Trung Lập